

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam tại xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Outdoor Gear Việt Nam

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chất thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam tại xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 720/STNMT-BVMT ngày 22/01/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam tại xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Outdoor Gear Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 294/Tr-STNMT ngày 29/02/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Outdoor Gear Việt Nam (sau đây gọi là

Chủ dự án) thực hiện tại xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam của Công ty TNHH Outdoor Gear Việt Nam thực hiện tại xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn, Giám đốc Công ty TNHH Outdoor Gear Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Nga Trường (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam**  
**tại xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin chung dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam.
- Địa điểm thực hiện: Tại xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Outdoor Gear Việt Nam.
- + Đại diện: Bà Bùi Thị Cúc - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Tầng 5 số 09B đường Hoàng Xuân Viện, phường Đông Thọ, TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

\* Phạm vi, quy mô: Dự án được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá với tổng diện tích 103.413,7m<sup>2</sup>.

\* Quy mô sản xuất:

- Giày cao su và giày đi ngoài nhà: 03 triệu đôi/năm;
- Phun foam: 120.000 bản/năm;
- Sản phẩm tạo hình/tạo khuôn: 5,4 triệu bộ/năm;
- Quần áo: 02 triệu sản phẩm/năm;
- Thiết bị cứu sinh: 3,6 triệu sản phẩm/năm;
- Túi xách/vali: 01 triệu sản phẩm/năm.

\* Công nghệ sản xuất

- Quy trình sản xuất giày cao su:

+ Tấm cao su → Cắt ép đế → cắt viền → Đế thành phẩm.

+ Hoàn chỉnh giày: Ráp đế và mặt giày (từ sản phẩm mặt giày và sản phẩm đế giày) → dán keo → may → đóng gói → Sản phẩm giày hoàn chỉnh.

- Quy trình phun foam NBR/PVC/PE: Nguyên liệu (cao su tổng hợp, hạt nhựa nguyên sinh, phụ gia) → cân định lượng → trộn liệu → gia nhiệt → đùn tấm foam NBR/PVC/PE bán thành phẩm → làm mát → máy cắt → sản phẩm.

- Quy trình sản xuất foam Neoprene: Nguyên liệu (cao su tổng hợp + phụ gia) → cân định lượng → trộn liệu → gia nhiệt → đùn tấm cao su thô → tạo bọt lần 1 → tạo bọt lần 2 → máy cắt → máy dán thành phẩm → sản phẩm.

- Quy trình sản xuất phao cứu sinh, ba lô, túi xách, túi chống nước, quần áo: Nguyên liệu (vải polyester+PU, vải nilon, vải chống nước, vải không chống nước,...) → cắt → in đồ họa → may hoàn thiện sản phẩm → sản phẩm.

- Quy mô sử dụng lao động khoảng: 4.500 người.

### **1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Các hạng mục công trình của dự án:

+ Các hạng mục công trình chính: 08 Nhà xưởng sản xuất (07 nhà xưởng quy mô 01 tầng, diện tích 5.750 m<sup>2</sup>/1 xưởng; 01 nhà xưởng quy mô 01 tầng, diện tích 840 m<sup>2</sup>); 01 kho thành phẩm (01 tầng, diện tích 5.750 m<sup>2</sup>); 01 kho chứa cotton PE (01 tầng, diện tích 1.080 m<sup>2</sup>); 01 kho nguyên liệu (01 tầng, diện tích 494 m<sup>2</sup>);

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: 01 nhà văn phòng (2 tầng, diện tích 600 m<sup>2</sup>); 01 nhà nghỉ ca công nhân (3 tầng, diện tích 560 m<sup>2</sup>); nhà ăn đa năng (02 tầng, diện tích 888,0m<sup>2</sup>); 01 nhà để xe (02 tầng, diện tích 1.850 m<sup>2</sup>); 01 nhà bảo vệ (01 tầng; diện tích 50 m<sup>2</sup>); 01 trạm xử lý nước sạch (01 tầng; diện tích 260 m<sup>2</sup>); 01 Nhà khí nén (01 tầng, diện tích 260 m<sup>2</sup>); 01 nhà nồi hơi (01 tầng; diện tích 494 m<sup>2</sup>); 01 trạm điện (01 tầng, diện tích 300 m<sup>2</sup>) và các công trình phụ trợ khác.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 01 trạm xử lý nước thải (01 tầng; diện tích 520 m<sup>2</sup>); 01 nhà rác (01 tầng, diện tích 390 m<sup>2</sup>); 01 bể nước PCCC (diện tích 306 m<sup>2</sup>); 01 hồ sự cố (diện tích 312 m<sup>2</sup>) và các công trình bảo vệ môi trường khác.

- Hoạt động của dự án:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: xây dựng các hạng mục công trình phục vụ dự án.

+ Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất của Nhà máy.

### **1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thi công xây dựng các công trình của dự án, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; hoạt động sinh hoạt của công nhân,... Các hoạt động này sẽ phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại..., tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:**

### **3.1. Giai đoạn xây dựng:**

#### **3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:**

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án có lưu lượng khoảng 4.191,12 m<sup>3</sup>/ngày có lượng mưa lớn nhất. Thành phần chủ yếu gồm: cát, bùn đất, các chất bẩn cuốn trôi trên bề mặt.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công có lưu lượng khoảng 4 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong đó nước thải từ quá trình rửa tay chân, giặt quần áo 2 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nước thải vệ sinh xí tiêu: 2 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD); các chất dinh dưỡng (N, P), photpho (P); vi sinh (coliform)...

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh thiết bị thi công khoảng 8,75 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: chất rắn lơ lửng, đất, cát,...

### *3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:*

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO,...

### *3.1.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

#### *a. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công với khối lượng khoảng 50 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường trong quá trình thi công xây dựng khoảng 23.942 tấn, bao gồm: 23.478,0 tấn từ quá trình bóc phong hóa, bùn nạo vét; 170,87 tấn vật liệu rời (cát, đá rơi vãi); 291,21 tấn chất thải vỏ bao bì, đầu thừa sắt thép, que hàn; 2,0 tấn thực vật phát quang.

#### *b. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:*

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,... khối lượng khoảng 19,2 kg/quá trình thi công.

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa tại công trường 792 lít/giai đoạn thi công.

### *3.1.4. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác*

#### *- Tác động do, tiếng ồn, độ rung:*

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

- *Tác động do chiếm dụng đất lúa:* Việc thu hồi đất trên ảnh hưởng tới các hộ dân bị mất đất sản xuất nông nghiệp, đất canh tác.

- *Các rủi ro, sự cố môi trường:* Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu; tai nạn giao thông; tai nạn lao động; hư hỏng công trình giao thông, nứt nhà dân ở khu vực gần dự án,...

## **3.2. Giai đoạn vận hành:**

### *3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên: Lưu

lượng lớn nhất khoảng 206,7 m<sup>3</sup>/ngày đêm; trong đó, nước thải từ quá trình rửa tay chân, giặt quần áo: 92,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm; nước thải nhà ăn: 22,3 m<sup>3</sup>/ngày đêm; nước thải rội nhà vệ sinh: 92,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD); các chất dinh dưỡng (N, P), phốt pho (P); vi sinh (coliform)...

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động rửa khung inox, nước rửa thiết bị phòng keo, nước làm mát thành phẩm/bán thành phẩm của dây chuyền sản xuất foam: Lưu lượng lớn nhất khoảng 8,9 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: TSS, dầu mỡ khoáng, màu, chất hoạt động bề mặt, cặn keo chết ...

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng: 01 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu TSS, BOD<sub>5</sub>, COD.

- Nước thải từ hoạt động xử lý khí thải: 02 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: TSS.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án có lưu lượng khoảng 8.672,08 m<sup>3</sup>/ngày có lượng mưa lớn nhất. Thành phần chủ yếu: cát, bùn đất, TSS....

### 3.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động vận hành máy phát điện, hoạt động lò đốt cấp nhiệt lò dầu tải nhiệt... Thành phần chủ yếu: CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>,...

- Nguồn phát sinh bụi từ hoạt động sản xuất:

+ Mùi và hơi keo phát sinh tại khu vực pha chế keo, quét keo, in xoa, gia nhiệt,... Thành phần chủ yếu: hơi dung môi hữu cơ, các hợp chất hữu cơ có trong keo (Toluen, Aceton, Xylen, Metylclorua,...).

+ Bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu chia liệu, trộn liệu, cắt may,... Thành phần chủ yếu: Bụi cao su, bụi nhựa, bụi vải,...

+ Mùi, khí thải phát sinh từ công trình thu gom, xử lý nước thải, khu tập kết chất thải rắn. Thành phần chủ yếu: H<sub>2</sub>S; NH<sub>3</sub>; CH<sub>4</sub>...

### 3.2.3. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

#### a. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân khoảng 1.378 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì,...

- Chất thải rắn sản xuất khoảng 8.276,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: vải vụn, hạt nhựa, tem nhãn, cục gãy hỏng, chỉ thừa, khoá hỏng, phế phẩm từ đế giày, vụn cao su, tro xỉ,...

- Ngoài ra, còn có chất thải phát sinh từ cảnh quan môi trường, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

#### b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Bóng đèn neon, ắc quy, pin, hộp mực in, bao bì đựng dung môi, hóa chất, than hoạt tính thải,... khoảng 15.940 kg/năm.

- Chất thải lỏng nguy hại là keo dán giày thải, dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, thay dầu thiết bị máy của dự án khoảng 314 lít/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất khoảng 519 kg/năm.

#### 3.2.4. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư và các tác động khác

Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,... và các rủi ro, sự cố môi trường như: sự cố lò dầu tải nhiệt, sự cố cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải,...

### 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

#### 4.1. Giai đoạn xây dựng:

##### 4.1.1. Công trình biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

###### a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt giai đoạn xây dựng: Bố trí 01 hố lắng thể tích 9,0 m<sup>3</sup> (kích thước 3m x 2m x 1,5m; đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) để thu gom, xử lý. Nước thải sau lắng được tái sử dụng lại một phần phục vụ rửa xe, tưới đường đập bụi, phần còn lại thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Bố trí 04 nhà vệ sinh di động (thể tích ngăn chứa chất thải khoảng 1,0 m<sup>3</sup>/nhà) để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ.

###### b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải rửa xe, nước thải rửa dụng cụ thi công được thu gom, dẫn về 01 hố lắng tạm thể tích 9m<sup>3</sup>/hố để lắng lọc cùng nước thải rửa tay chân. Nước thải sau lắng được tái sử dụng lại một phần phục vụ rửa xe, tưới đường đập bụi, phần còn lại thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

##### 4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Dùng xe xịt 5,0 m<sup>3</sup>, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới xịt. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước khi ra khỏi công trường; các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Lắp dựng tường rào tạm cao 2,0 m dài 1.166 m bằng tôn quanh dự án đặc biệt vị trí tiếp giáp tuyến đường tỉnh lộ 527B, khu dân cư hiện trạng nằm phía Đông dự án để giảm thiểu bụi khuếch tán.

##### 4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

###### a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị ít nhất 03 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 20 lít/thùng; 50 lít/thùng) tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Yêu cầu cán bộ, công nhân khi tham gia thi công thực hiện tốt công tác phân loại, không xả rác thải bừa bãi và giữ vệ sinh chung.

*b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng*

- Đối với cát, đá rơi vãi sẽ tận dụng làm vật liệu tôn nền tại dự án.

- Đối với lớp đất màu từ quá trình bóc lớp đất phong hóa trên phần diện tích đất trồng lúa được sử dụng trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án.

- Đối với thực vật phát quang: Được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng, cotton... được thu gom, tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

*4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại*

- Trang bị ít nhất 03 thùng chứa (dung tích 50 lít/thùng; 100 lít/thùng) để chứa chất thải rắn nguy hại; 02 thùng phuy với dung tích 200 lít/thùng để chứa chất thải lỏng nguy hại.

- Các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

*4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các tác động khác*

*- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung*

+ Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Trang bị bảo hộ lao động giảm ồn cá nhân cho công nhân vận hành phương tiện theo quy định.

+ Đối với sự cố nứt nhà, hư hỏng đường xá...Yêu cầu sử dụng các thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng; thực hiện đèn bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến nhà dân xung quanh dự án.

*- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:*

+ Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu, nuôi trồng thủy sản theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời.

+ Hoàn trả tuyến đường giao thông, tuyến mương tiêu thoát nước đối với các tuyến đường, mương bị thu hồi đất phục vụ dự án, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, tiêu thoát nước của người dân.

- *Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố:*

+ Sự cố tai nạn giao thông: lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực,...;

+ Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn, trang bị 2 bình bột PCCC tại khu lán trại tạm.

## **4.2. Giai đoạn vận hành**

### **4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải**

\* *Nước mưa chảy tràn:*

- Bố trí hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống cống rãnh, hố gas để lắng cặn được dẫn ra mương nội đồng, sau đó dẫn vào kênh Ông Xếp, chảy ra kênh Lê Mã Lương và chảy ra sông Càn (sông Hoạt Giang).

- Thường xuyên nạo vét, duy tu hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

\* *Nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 12 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 480 m<sup>3</sup>); sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đặt tại phía Bắc của Dự án để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải phát sinh từ rửa tay chân, tắm giặt, nước vệ sinh nhà xưởng được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn ca được xử lý sơ bộ bằng 1 bể tách dầu mỡ (tổng thể tích 3 m<sup>3</sup>); sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

\* *Nước thải sản xuất:*

- Nước thải từ quá trình xử lý bụi và khí thải lò dầu tải nhiệt được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa khung inox, nước rửa thiết bị phòng keo, nước làm mát thành phẩm/bán thành phẩm được thu gom riêng về trạm xử lý nước thải sản xuất, công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý cùng nước thải sinh hoạt.

- Quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải sản xuất, công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày như sau: Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể lắng → Bể chứa nước sau xử lý → Trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm như sau: Nước thải sinh hoạt và sản xuất sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Máy sàng rác tinh → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể khử Nito → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng nghiêng → Bể chứa nước ra → Bồn lọc cát → Bồn lọc than → Bể khử trùng → Bể chứa nước → Một phần tuần hoàn tái sử dụng (cho hoạt động dội nhà vệ sinh, tưới cây, rửa đường); phần còn lại thải ra mương tiêu nội đồng, sau đó chảy vào kênh Ống Xếp, tiếp tục chảy ra kênh Lê Mã Lương và ra sông Cà (sông Hoạt Giang).

- Nước thải phát sinh từ Dự án phải xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi tuần hoàn tái sử dụng và thải ra môi trường.

#### 4.2.2. Các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất

+ Khí thải phát sinh từ dây chuyền inox/rửa bản khung inox/công đoạn quét keo/pha chế/kho keo: Khí thải → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Bụi phát sinh từ công đoạn chia liệu, trộn liệu tại xưởng phun foam NBR/PVC/PE/Neoprene: Bụi → Xyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt tại xưởng phun foam NBR/PVC/PE/Neoprene: Khí thải → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Bụi từ công đoạn cắt, may, vệ sinh: Thực hiện vệ sinh công nghiệp hằng ngày các khu nhà xưởng; lắp đặt điều hòa, thông gió cho các khu vực xưởng cắt, may hoàn thiện.

- Bụi, khí thải phát sinh từ lò dầu tải nhiệt: Bụi, khí thải → Xyclone → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí → Môi trường.

- Bụi khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển, từ hệ thống thu gom, xử lý chất thải,...

+ Các xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm được xếp lịch và có giờ giao nhận nguyên liệu, sản phẩm cụ thể; trong quá trình bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm lên các phương tiện các phương tiện vận chuyển phải tắt máy.

+ Định kỳ bảo dưỡng các phương tiện của nhà máy đảm bảo các phương tiện hoạt động tốt; kiểm định các phương tiện theo đúng quy định.

+ Thường xuyên phun tưới nước sân đường, vỉa hè của Nhà máy; tuần suất phun ẩm là 04 lần/ngày đối với những ngày không mưa và thực hiện bổ sung khi phát sinh bụi nhiều.

+ Thiết kế hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dạng kín, các hố ga có nắp đậy; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

+ Bổ sung chế phẩm (BIO-S, BIO-Phốt) dạng bột vào hệ thống bể tự

hoại để tăng hiệu quả xử lý, tránh bôn tắc bề và phát sinh mùi; sử dụng hóa chất (như Oclean, Sumo, Davi - Star dạng bột) để thông tắc đường ống thoát nước thải.

+ Các thùng đựng rác đều có nắp và đưa đi xử lý hàng ngày nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi do phân hủy các chất hữu cơ có trong rác thải.

- Bố trí công nhân vệ sinh thường xuyên quét dọn sân đường nội bộ, nhà xưởng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (quần, áo, khẩu trang, bao tay, nút tai chống ồn...) cho công nhân làm việc tại Nhà máy.

- Sử dụng quạt thông gió nhà xưởng, kho hóa chất, kho thành phẩm để đảm bảo môi trường lao động.

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỉ lệ theo đúng quy hoạch được phê duyệt; đặc biệt, xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải, khu tập kết rác thải.

#### 4.2.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

##### a. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Trang bị và sử dụng các thùng rác (loại 5 lít/thùng; 10 lít/thùng; 50 lít/thùng) có nắp đậy bố trí trong các phòng làm việc và dọc hành lang các nhà xưởng, khu nhà văn phòng, khu nhà ăn, nhà nghỉ ca công nhân, nhà vệ sinh,... sau đó thu gom về 04 thùng xe đẩy tay 0,5m<sup>3</sup>/xe đặt tại nhà kho chứa chất thải rắn (có diện tích 50m<sup>2</sup> tại khu vực phía Đông dự án).

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Đối với nguyên liệu thừa, sản phẩm lỗi: Trang bị các thùng rác (loại 100 lít/thùng; 200 lít/thùng) có nắp đậy bố trí tại các nhà xưởng sản xuất; sau đó, thu gom, tập kết tại các ngăn chứa chất thải bố trí trong kho chứa chất thải công nghiệp có diện tích 300 m<sup>2</sup> tại khu vực phía Đông dự án.

+ Tro xỉ lò dầu tải nhiệt được thu gom về ngăn chứa tro xỉ riêng trong kho chứa chất thải công nghiệp.

+ Bao bì, hộp giấy, túi nilon,... được thu gom, vận chuyển về ngăn chứa riêng trong kho chứa chất thải công nghiệp.

+ Bụi từ hệ thống lọc bụi túi vải được thu gom về các thùng rác loại 100 lít/thùng có nắp đậy bố trí tại các nhà xưởng sản xuất; sau đó, thu gom về ngăn chứa riêng trong kho chứa chất thải công nghiệp.

+ Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển các loại chất thải rắn trên đi xử lý theo quy định.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung hợp đồng với đơn vị chức năng thông hút, vận chuyển xử lý theo quy định sau khi phân định là chất thải thông thường.

*b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:*

- Trang bị ít nhất 06 thùng chứa (thể tích 50lit/thùng; 200 lít/thùng) có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn nguy hại, có nắp đậy, dán nhãn mác đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 40 m<sup>2</sup> tại khu vực phía Đông dự án để lưu chứa chất thải nguy hại dạng rắn, lỏng; định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ trạm xử lý sơ bộ nước thải công nghiệp, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi phân định là chất thải nguy hại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thông hút, vận chuyển, xử lý theo quy định.

#### *4.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:*

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- + Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ. Cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

- + Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi hoạt động lại.

- + Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

- + Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

- + Bố trí giờ làm hợp lý cho từng chuyền sản xuất để giảm mật độ người lao động ùn tắc trong những giờ cao điểm. Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn các phương tiện tại khu vực cổng ra vào của Nhà máy. Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở cán bộ, công nhân tuân thủ luật giao thông và đảm bảo an toàn giao thông.

- + Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

- + Sự cố hệ thống xử lý chất thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý chất thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý chất thải. Khi HTXLNT tập trung gặp sự cố, nước thải được thu gom vào bể sự cố có tổng thể tích khoảng 936 m<sup>3</sup> với thời gian lưu nước thải của dự án trong 3 ngày, sau đó bơm ngược lại về HTXLNT tập trung để xử lý.

- + Phòng cháy và chữa cháy: Lập và thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế PCCC được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt; trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- + Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị

đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

+ Sự cố hóa chất: Lập phương án ứng phó sự cố hóa chất và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rõ ràng, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án**

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

Chủ đầu tư đề xuất thực hiện chương trình giám sát môi trường cho dự án như sau:

#### *5.1 Giám sát chất lượng môi trường không khí.*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Vị trí giám sát: 13 vị trí gồm:

+ 01 vị trí tại ống khói lò dầu tải nhiệt, trước khi thải ra môi trường; các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, lưu lượng.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền in xoa số 1; các chỉ tiêu giám sát: Toluene, Xylen.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền in xoa số 2; các chỉ tiêu giám sát: Toluene, Xylen.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải buồng rửa khung in xoa số 1; các chỉ tiêu giám sát: Toluene, Xylen, Aceton.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải buồng rửa khung in xoa số 2; các chỉ tiêu giám sát: Toluene, Xylen, Aceton.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn quét keo dán đế tại xưởng sản xuất giấy dếp; các chỉ tiêu giám sát: Metylclorua, Toluene.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải kho chứa keo tại xưởng sản xuất giấy dếp; các chỉ tiêu giám sát: Metylclorua, Toluene.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi công đoạn chia liệu, trộn liệu tại xưởng phun foam NBR/PVC; các chỉ tiêu giám sát: Bụi, lưu lượng.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt tại xưởng phun foam NBR/PVC; các chỉ tiêu giám sát: Toluene, Xylen, nhiệt độ.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi công đoạn chia liệu, trộn liệu tại xưởng phun foam Neoprene các chỉ tiêu giám sát: Bụi, lưu lượng.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt tại xưởng phun foam Neoprene; các chỉ tiêu giám sát: Toluene, Xylen, nhiệt độ

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi công đoạn chia liệu, trộn liệu tại xưởng ép khuôn các chỉ tiêu giám sát: Bụi, lưu lượng.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi công đoạn chia liệu, trộn liệu tại xưởng phun foam PE các chỉ tiêu giám sát: Bụi, lưu lượng.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ.

### 5.2. Quan trắc nước thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước thải sau xử lý tại hệ thống XLNT tập trung của Dự án.

- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, pH, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, tổng P, tổng N, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A).

### 5.3. Quan trắc chất lượng bùn thải

- Tần suất giám sát: 01 năm/lần;

- Vị trí giám sát: Mẫu bùn thải tại bể chứa bùn của HTXLNT tập trung.

- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Ni, Se, Hg, Cr, Tổng Xyanua (CN).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường

trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Cam kết hoàn trả các tuyến đường giao thông, tuyến mương thoát nước thuộc phạm vi Dự án theo đúng tiến độ, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, tiêu thoát nước của người dân khu vực.

- Cam kết thực hiện Phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thống nhất tại Văn bản số 4423/SNNPTNT- TT&BVTV ngày 30/8/2023.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.